

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **42/2017/DS-ST**

Ngày: 29-9-2017

V/v “Kiện đòi tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Ông Nguyễn Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST- DS ngày 17/4/2017 về việc “Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST ngày 10/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST-HPT ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp C xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh N trình bày:

Ngày 10/01/2004 ông N có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn M 02 lô đất của ông Ngô Đức T và ông Hồ Minh S tại khu dân cư X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, chiều ngang mặt tiền là 8m8, dài 20m, với giá mỗi lô là 15.000.000đ. Các bên có làm giấy tay sang nhượng đất, ông N đã giao số tiền 30.000.000đ cho ông M vào ngày 10/01/2004.

Năm 2014, ông N có liên hệ đến UBND xã T, huyện H để được hợp thức hóa 2 lô đất do ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng từ năm 2004, lúc này ông N mới biết 2 lô đất nói trên là của ông S và ông T đã chuyển nhượng cho người khác và họ đã làm nhà ở ổn định đồng thời cũng đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông N đã gửi đơn đến UBND xã T, huyện H để được giải quyết việc ông M chuyển nhượng đất cho ông nhưng thực tế ông M không có đất. Tại buổi hòa giải ngày 09/02/2015 theo yêu cầu của ông N, ông M đồng ý trả cho ông N số tiền 60.000.000đ chia làm hai lần, lần 1 ông M trả số tiền 30.000.000đ vào ngày 30/6/2015 và lần 2 ông M trả số tiền 30.000.000đ vào ngày 30/6/2016.

Ông M không thực hiện việc trả tiền đúng như thỏa thuận nên ngày 07/8/2016 ông M tiếp tục viết giấy hẹn nợ và thỏa thuận đến cuối tháng 9/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền 60.000.000đ cho ông N nhưng đến nay ông M vẫn chưa trả tiền cho ông N.

Nay ông Nguyễn Anh N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M, yêu cầu ông M phải trả cho ông N số tiền 60.000.000đ và tính tiền lãi từ cuối tháng 9/2016 đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M:

Sau khi tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn M nhưng ông M không có văn bản trình bày ý kiến, đồng thời tòa án đã nhiều lần đến nhà để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông M cố tình trách mặt không hợp tác giải quyết.

Qua xác minh tại Công an xã T, huyện H được biết ông Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, hiện nay ông M và vợ vẫn sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án có tiến hành tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên không gặp được đương sự M, vợ ông M là bà Trần Thị T từ chối nhận các văn bản cho ông M nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố

tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho ông M theo quy định của pháp luật nhưng ông M không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông M phải trả cho ông N số tiền 60.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng:

Ông Nguyễn Anh N khởi kiện đòi ông Nguyễn Văn M trả lại số tiền 60.000.000đ, hiện nay ông M đang cư trú tại tổ B, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết nhưng ông M không đến Tòa án, do vậy Tòa án cũng không tiến hành hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự được. sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, và đã tiến hành các thủ tục tổng đạt theo quy định nhưng ông M vẫn vắng mặt tại phiên toà hai lần không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Anh N khởi kiện đòi ông Nguyễn Văn M trả lại số tiền 60.000.000đ, lý do là ngày 10/01/2004 ông Nguyễn Văn M có viết giấy sang nhượng cho ông Nguyễn Anh N 2 lô đất (theo phiếu thu tiền mang tên ông S và T) ông M đã nhận số tiền 30.000.000đ của ông N.

Khi biết được ông M không có đất, ông N đã gửi đơn đến UBND xã T giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 09/02/2015 tại UBND xã T, ông M thừa nhận có nhận 30.000.000đ từ năm 2004 theo yêu cầu của ông N, ông M đồng ý trả cho ông N số tiền 60.000.000đ.

{3} Xét quan hệ giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Văn M là quan hệ về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo trình bày của ông N tại tòa, khi ông giao dịch với ông M trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông N biết rõ ông M giao cho ông 2 phiếu thu tiền mang tên ông S và ông T. Cũng trong thời gian này, toàn bộ khu dân cư tại ấp C mới có chủ trương phân lô bán nền nhưng ông N vẫn giao dịch với ông M là không đúng với các quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Văn M biết rõ 2 lô đất trên là của ông S và ông T, lợi dụng khi đó ông là ấp trưởng ông không nộp phiếu thu tiền của ông S và ông T cho UBND xã mà ông dùng 2 phiếu này lừa dối ông N để lấy số tiền 30.000.000đ là có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật. Lẽ ra cần chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra để xử lý, tuy nhiên đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

{4} Mặc dù khi giao dịch ban đầu giữa ông N và ông M là quan hệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng qua buổi hòa giải tại UBND xã T, hai bên đã thống nhất được cách giải quyết đó là ông M đồng ý trả lại cho ông N số gấp đôi số tiền mà trước đó ông M đã nhận. Sự thỏa thuận trên của ông N và ông M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có căn cứ bởi lẽ kể từ khi ông N giao cho ông M số tiền 30.000.000đ từ năm 2004 đến năm 2014 là 10 năm cũng là bù đắp một phần thiệt hại cho ông N. Sự thỏa thuận của ông M và ông N trong buổi hòa giải tại UBND xã T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội.

Theo đó ông M hứa trả trong thời hạn 2 năm nhưng ông M vẫn không thực hiện đúng cam kết và ông tiếp tục viết giấy hẹn nợ ngày 07/8/2016 hứa sẽ trả hết số tiền 60.000.000đ cho ông N vào tháng 9/2016. Như vậy có căn cứ xác định lại nội dung vụ án mà ông N kiện ông M là kiện đòi tài sản.

Với những nhận định trên cùng với chứng cứ là biên bản hòa giải thành ngày 09/02/2015 của UBND xã T, giấy hẹn nợ ký ngày 7/8/2016 của ông Nguyễn Văn M

có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về việc buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại số tiền 60.000.000đ cho ông N.

Về yêu cầu tính lãi: Theo giấy hẹn nợ ngày 07/8/2016, ông M có cam kết như sau: *“căn cứ theo biên bản hòa giải ngày 10/3/2015 là tôi phải trả cho anh Nguyễn Văn N vào thời hạn chót có tổng số tiền 60.000.000đ. Nhưng đã đến ngày hẹn trả 30/6/2016 tôi gặp khó khăn về tài chính nên chưa trả được. Nay làm giấy này sẽ trả nợ cho anh N vào cuối tháng 9/2016”*, như vậy ông M vi phạm cam kết từ cuối tháng 9/2016 nên số tiền lãi được tính từ ngày 29/9/2016 đến 29/9/2017 là 1 năm. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/ năm.

Số tiền lãi buộc ông M phải trả cho ông N được chấp nhận là: $60.000.000đ \times 9\% = 5.400.000đ$

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

{5} Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên M phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 302, 388, 389 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

{1} Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh N.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho ông Nguyễn Anh N số tiền tổng cộng là 65.400.000đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), tiền lãi 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán.

{2} Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 3.270.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Anh N không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H trả lại cho ông Nguyễn Anh N số tiền 3.000.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012056 ngày 17/4/2017.

{3} Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự;
- THADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Liêm